

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHONG TRÀO NỮ QUYỀN Ở MỸ TỪ NĂM 2001 ĐẾN NAY

Phạm Thị Thanh Huyền* và Đoàn Phương Chi

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Trước năm 2001, phong trào nữ quyền trên thế giới nói chung và nước Mỹ nói riêng đã trải qua ba làn sóng lớn và giành được nhiều kết quả đáng kể. Mỗi làn sóng này đều có xu hướng phát triển riêng và đều có đóng góp quan trọng trong thời đại, thúc đẩy phong trào trong giai đoạn kế tiếp. Bước sang thế kỉ XXI, từ năm 2001 đến nay, làn sóng thứ tư của phong trào đang dần định hình và thể hiện sự trưởng thành trong nhận thức của người phụ nữ Mỹ. Nghiên cứu về lịch sử phong trào nữ quyền trên thế giới nói chung và ở Mỹ nói riêng còn nhiều khoảng trống. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu trường hợp (case study) về phong trào nữ quyền ở Mỹ từ năm 2001 đến nay, xem xét một số yếu tố tác động đến sự vận động của phong trào trong khoảng thời gian này. Từ cách tiếp cận này, bài viết sẽ góp thêm vào những nghiên cứu còn ít ỏi ở Việt Nam về phong trào nữ quyền trong lịch sử nhân loại nói chung.

Từ khóa: phong trào nữ quyền, tác động, nước Mỹ.

1. Mở đầu

Quyền phụ nữ, hay nữ quyền (Feminism), là các quyền bình đẳng giới được dành cho phụ nữ và trẻ em gái ở nhiều nơi trên thế giới. Quan điểm về bình đẳng giới đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử. Tại một số nơi, nữ quyền được định chế hóa hoặc hỗ trợ bởi pháp luật, phong tục và tập quán địa phương, trong khi tại một số nơi khác, các vấn đề nữ quyền bị xem nhẹ hoặc phớt lờ. Nhìn chung, dù có được bảo vệ trước pháp luật hay không, các quyền cơ bản của phụ nữ vẫn chưa được thực hiện đầy đủ. Các quyền này khác biệt với khái niệm rộng hơn về quyền con người thông qua các nhận định về thành kiến truyền thống và lịch sử cố hữu chống lại việc thực hiện quyền của phụ nữ và trẻ em gái trong khi thiên vị nam giới và trẻ em trai [1, 1-10].

Các vấn đề liên quan đến khái niệm nữ quyền bao gồm các quyền cơ bản sau: quyền toàn vẹn và tự chủ thân thể; quyền bỏ phiếu (bầu cử); quyền nắm giữ các chức vụ công; quyền làm việc và tiếp nhận mức lương bình đẳng; quyền nắm giữ các loại tài sản cá nhân; quyền được tiếp nhận giáo dục toàn diện; quyền phục vụ quân đội; quyền kí kết các hợp đồng pháp lí; quyền trong hôn nhân và làm mẹ [2].

Theo các nghiên cứu về sự phát triển của chủ nghĩa nữ quyền ở Hoa Kỳ, Canada và một số quốc gia Tây Âu, phong trào nữ quyền có thể chia thành bốn làn sóng: làn sóng thứ nhất (giữa thế kỉ XVIII), làn sóng thứ hai (nửa sau thế kỉ XIX đến những năm 60 của thế kỉ XX), làn sóng thứ ba (từ những năm 70 của thế kỉ XX đến đầu năm 2000) và làn sóng thứ tư (từ những năm 2000 đến nay). Trong đó, làn sóng thứ nhất được định hướng xung quanh quyền bầu cử và quyền bình đẳng chính trị của phụ nữ da trắng thuộc các tầng lớp trung lưu và thượng lưu; làn sóng thứ

Ngày nhận bài: 3/7/2023. Ngày sửa bài: 25/7/2023. Ngày nhận đăng: 15/8/2023.

Tác giả liên hệ: Phạm Thị Thanh Huyền. Địa chỉ e-mail: huyenptt@hnue.edu.vn

hai tập trung chủ yếu vào vấn đề chống sự bất bình đẳng trong văn hóa và xã hội; làn sóng thứ ba tiếp tục giải quyết các vấn đề bất bình đẳng về tài chính, xã hội và văn hóa, đặc biệt là quyền ảnh hưởng của phụ nữ trong chính trị và truyền thông; làn sóng thứ tư tập trung phát triển lý thuyết chủ nghĩa nữ quyền hiện đại dưới ảnh hưởng của thời đại kỹ thuật số, kết hợp chặt chẽ cùng phong trào xóa bỏ định kiến giới và phong trào LGBTQ+ [3]. Nếu như trong làn sóng đầu tiên, chủ nghĩa nữ quyền chỉ tập trung vào tầng lớp nữ giới da trắng trung lưu đến thượng lưu, thì làn sóng thứ hai đánh dấu sự xuất hiện của phụ nữ da màu và các tầng lớp xã hội khác. Đến làn sóng thứ ba, các phong trào đấu tranh vì phụ nữ đã có các tổ chức lãnh đạo, đa dạng hóa các lý thuyết về chủ nghĩa nữ quyền, từ đó tạo cơ sở cho *chủ nghĩa nữ quyền hiện đại* ra đời. Sự chuyển đổi giữa làn sóng thứ ba và thứ tư không rõ ràng dẫn đến nhiều quan điểm cho rằng làn sóng thứ ba và thứ tư là một. Tuy nhiên, theo nhiều nhà nghiên cứu, làn sóng thứ tư vẫn có những điểm mới và khác biệt với làn sóng thứ ba.

Trong quá trình nghiên cứu và thu thập tài liệu liên quan, chúng tôi rút ra được: từ khoảng những năm 2010 đến năm 2022, các vấn đề nữ quyền được đưa ra công khai trước báo chí và giới chính trị như: quấy rối tình dục (sexual abuse), xâm hại (rape), bạo lực với phụ nữ (violence against women), trả lương bất bình đẳng (unequal pay), miệt thị tình dục (slut-shaming), định kiến về cơ thể phụ nữ (body-shaming), kì thị phụ nữ chuyển giới (transphobia),... [3].

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sơ lược lịch sử phát triển của phong trào nữ quyền ở Mỹ

Trong lịch sử, nhiều nghiên cứu về đấu tranh vì bình quyền của phụ nữ chỉ tập trung vào quyền được bầu cử. Nhưng sự phát triển toàn diện phong trào đấu tranh vì quyền phụ nữ yêu cầu nhiều hơn. Từ khoảng thời gian nước Mỹ vẫn còn dưới chế độ cai trị của Anh, phụ nữ đã nhận thức được sự bất công và bày tỏ những yêu cầu đầu tiên như: hưởng chế độ tiền lương, kí kết hợp đồng pháp lí, quyền ngôn luận, phẩm giá và quyền nuôi con của mình sau khi người chồng mất.

Những nhận thức trên đã dần thúc đẩy phong trào phụ nữ ở Mỹ hình thành và phát triển từ rất sớm, từ những thập niên cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX. Mặt khác, vấn đề quyền phụ nữ được đặt ra sớm còn do đặc điểm hình thành và thiên hướng phát triển của Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ. Trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 đã viết: "...mọi người sinh ra đều bình đẳng, họ được Tạo hóa ban cho một số quyền tất yếu bất khả xâm phạm, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc" [4]. Quyền bình đẳng, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc là những quyền cơ bản và có phạm vi rất rộng. Bình đẳng không chỉ là quyền bình đẳng giữa các dân tộc với nhau, mà còn bình đẳng về giới tính, bình đẳng về cơ hội được tham gia vào các hoạt động xã hội như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Quyền tự do được làm những điều mình mong muốn một cách hợp pháp và quyền mưu cầu hạnh phúc chính đáng: quyền được tôn trọng, quyền được bảo vệ, quyền được nắm giữ và sở hữu tài sản cá nhân,... Mặt khác, Tuyên ngôn độc lập năm 1776 cũng đưa ra một hướng đấu tranh hợp pháp cho những bất công của phụ nữ: "...Để đảm bảo cho những quyền này, chính phủ đã được lập ra từ trong nhân dân và có được quyền lực chính đáng là do có sự ưng thuận của nhân dân. Bất kì khi nào hình thức chính quyền nào đó trở nên có hại cho việc thực hiện các quyền trên thì đương nhiên nhân dân có quyền thay đổi hoặc loại bỏ đó... sao cho có thật nhiều khả năng làm cho nhân dân được an toàn và hạnh phúc" [4].

Tuy nhiên, ngay cả sau khi Bản Tuyên ngôn này được ban bố, những quyền được nêu trên vẫn không được áp dụng đầy đủ đối với phụ nữ Mỹ. Ở thời điểm bấy giờ, phụ nữ Mỹ thậm chí chưa có quyền được bầu cử, hơn nữa là việc theo đuổi học vấn bậc cao để làm bác sĩ hay luật sư. Các định kiến giới nặng nề từ chế độ thực dân đã ảnh hưởng đến quá trình thực thi tự do ở Hoa Kỳ. Phụ nữ luôn bị trả lương ít hơn nam giới và có rất ít cơ hội được thăng chức trong công

việc với lí do sinh lí tự nhiên như: cơ thể yếu hơn đàn ông, mất thời gian cho sinh nở và chăm sóc con cái,... Quan điểm cho rằng phụ nữ kém thông minh, phải dựa vào đàn ông và chỉ nên ở nhà làm việc phục vụ chồng rất thịnh hành ở Mỹ vào những năm 60, 70 của thế kỉ XIX. Phụ nữ không được phép tham gia vào các hội nghị hay các vấn đề chính trị, kinh tế của quốc gia. Bên cạnh đó, quyền được hưởng giáo dục của phụ nữ Mỹ cũng rất hạn chế, phải mất rất nhiều thời gian đấu tranh phụ nữ mới được phép đào tạo bậc cao (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) và được tham gia nghiên cứu – một quyền lợi rất cơ bản mà hiện nay gần như tất cả các quốc gia đều thực hiện.

Vào những năm đầu thập niên 70 của thế kỉ XX, các nhà sử học Mỹ bắt đầu mở rộng nghiên cứu về quyền phụ nữ trên nhiều lĩnh vực hơn là chỉ trong phạm vi phong trào bầu cử. Họ đã nghiên cứu về các vụ án, tự truyện, tài khoản báo chí, tài liệu công khai cũng như các hồi kí, thư từ và nhật kí liên quan đến quyền phụ nữ, từ đó lí giải và tìm ra nhiều tình tiết quan trọng phục vụ cho phát triển phong trào.

Nằm trong bộ phận quan trọng và tiên phong của chủ nghĩa nữ quyền trên thế giới, các phong trào đấu tranh ở Mỹ cũng được chia thành các làn sóng lớn, hoạt động mạnh mẽ để đấu tranh vì phụ nữ nói chung và quyền lợi của phụ nữ nước Mỹ nói riêng.

Theo nhiều quan điểm nghiên cứu và cách phân chia làn sóng nữ quyền khác nhau, xu thế nghiên cứu về từng làn sóng cũng có sự phân hóa. Tính theo các tài liệu nghiên cứu đến năm 2000, có thể tóm tắt hai quan điểm chủ yếu nhất:

Thứ nhất, quan điểm cho rằng trước thập niên 2000, nữ quyền có thể chia làm hai làn sóng. Trong nghiên cứu của Trần Xuân Diệp, khi đề cập đến ngôn ngữ và giới tính, tác giả viết: “Trên thế giới, phong trào đấu tranh cho quyền bình đẳng của nữ giới đã có từ lâu, nhưng căn cứ vào tính chất, đặc điểm và mức độ đấu tranh mà người ta chia cuộc đấu tranh ấy làm hai giai đoạn [...] “Làn sóng” thứ nhất là trước thập niên 1970 và “làn sóng” thứ hai được đánh dấu khoảng từ cuối thập niên 1960 đến đầu thập niên 1970 cho đến nay” [5]. Bên cạnh đó, cũng có những quan điểm “mở” hơn, xong nghiêng về khẳng định nữ quyền có “hai đợt sóng”: “Nếu chia lịch sử phong trào nữ quyền theo thời gian đến nay (tức là năm 2002 thì đến nay ít nhất có hai giai đoạn, hay còn gọi là hai đợt sóng” [6] [7].

Thứ hai, quan điểm về sự xuất hiện của làn sóng nữ quyền thứ ba: “Làn sóng nữ quyền thứ ba là giai đoạn mới trong lịch sử lí thuyết nữ quyền. Nó bắt đầu từ những năm 1980, với lí thuyết của các nhà nữ quyền thuộc chủng tộc khác nhau, giai cấp khác nhau,... Làn sóng nữ quyền lần thứ ba thể hiện tính toàn cầu hóa của lí luận nữ quyền” [8].

Trong một cuốn sách về gia đình và giới tính, các tác giả cũng từng đề cập đến làn sóng nữ quyền thứ ba: “Làn sóng nữ quyền thứ ba từ năm 1968 đến nay. Trong thời kì này, các vấn đề phụ nữ được đề cập toàn diện hơn, cả trong lĩnh vực công cộng lẫn đời sống riêng tư” [9]. Trong đó, làn sóng thứ ba đã được gán cho vai trò “mô tả những tư tưởng nữ quyền của một thế hệ mới của những người phụ nữ trẻ tuổi, những người sẽ dẫn dắt cuộc sống của hầu hết thanh niên thế kỉ XXI” [10]. Các nhà nữ quyền làn sóng thứ ba “tập trung vào các vấn đề như nhận thức và giáo dục AIDS, các quyền sinh sản, không bị lạm dụng tình dục, bạo lực và cưỡng hiếp; nghèo đói và vô gia cư trong thanh niên” [11], [12].

Đảm bảo tính xác thực và cập nhật, chúng tôi nghiên cứu tiếp tục đến giai đoạn năm 2020, và nghiêng về hướng quan điểm mới: cho đến nay (năm 2020), thế giới đón nhận bốn làn sóng nữ quyền. Các tài liệu nghiên cứu lí thuyết xã hội hay nghiên cứu giới trong những năm gần đây đều có nhắc đến là sóng thứ tư (the Four wave of Feminism). Trong bài nghiên cứu *Làn sóng thứ tư đã có ý nghĩa như thế nào trong việc giáo dục về xã hội cho nữ quyền thế kỉ XXI? (What does the “Fourth Wave” mean for teaching feminism in 21st century social work?)*, Ruth Phillips (Đại học Edinburgh) đã chỉ ra sự xuất hiện, ý nghĩa và vai trò của một làn sóng mới trong thế kỉ XXI: làn sóng thứ tư. Làn sóng này ít được đề cập trong khoa học xã hội, tuy nhiên, giống như các cách phân loại khác, nó đã được trình bày trên một số lĩnh vực và hoạt động truyền thông cụ thể: công tác xã hội và giáo dục chính trị - giới tính. Mặt khác, nguồn gốc của

làn sóng thứ tư mà tác giả cho rằng xuất hiện từ “truyền thông xã hội đã mở ra một không gian quan trọng để tái sinh những cuộc tranh luận của nữ quyền và nó là nơi khai sinh của làn sóng thứ tư” [13]. Theo Baumgardner (2011) thì làn sóng được bắt đầu từ năm 2008. Tuy nhiên, cho đến năm 2022, đa phần quan điểm ủng hộ việc lấy mốc bắt đầu làn sóng thứ tư ở đầu thế kỉ XXI, sau sự kiện tấn công khủng bố vào Tòa tháp đôi tại Mỹ năm 2001. Mục tiêu của làn sóng này là hướng đến quyền bảo vệ thân thể, giải phóng về vấn đề tình dục, công việc, quyền sinh sản, quyền chính trị và giải phóng tính nữ, quyền lựa chọn bản dạng giới cho phụ nữ, trong đó công cụ chính được sử dụng trong phong trào nữ quyền là công nghệ và Internet.

Xét trong khoảng thời gian nghiên cứu của bài viết này: từ năm 2001 đến năm 2022, có thể đưa ra khẳng định: giai đoạn mà bài viết hướng đến nằm giữa làn sóng thứ ba và thứ tư. Trong đó, hai làn sóng này đã có sự chuyển biến mạnh mẽ và khác biệt so với hai làn sóng trước.

Nếu trong làn sóng nữ quyền thứ nhất (từ thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX) và làn sóng nữ quyền thứ hai (từ những năm 1918 đến những năm 1968) đã giúp phụ nữ giành được những quyền cơ bản nhất là quyền được bầu cử, đặt ra vấn đề tiếp theo mà phụ nữ cần đấu tranh là cơ hội bình đẳng trong kinh tế và địa vị xã hội thì làn sóng thứ ba và thứ tư đã phát triển, từng bước giành được những mục tiêu đó. Hơn thế nữa, hai làn sóng sau này đã tạo nên nhiều sự khác biệt lớn, khi xây dựng được hệ thống lí luận sắc bén, đồng thời lôi kéo được đông đảo nhân dân Mỹ tham gia, tạo liên kết với các phong trào xã hội khác như chống chiến tranh, chống phân biệt chủng tộc,...

** Làn sóng nữ quyền thứ ba (từ khoảng những năm 1970 đến những năm đầu thế kỉ XXI)*

Có nhiều quan điểm tranh cãi về khoảng thời gian của làn sóng thứ ba và làn sóng thứ tư. Tuy nhiên về cơ bản có thể xác định được làn sóng thứ ba đã xây dựng cho chủ nghĩa nữ quyền hiện đại một nền tảng học thuật rõ nét, đấu tranh cũng không còn tràn lan mà tập trung vào các lĩnh vực nhất định với mục tiêu rõ ràng. Đây được coi là giai đoạn tương phản với “làn sóng thứ nhất” vì đã thúc đẩy sự tăng trưởng về số lượng và chất lượng của lực lượng tri thức trong phong trào nữ quyền.

Với những đặc điểm trên, làn sóng thứ ba đã đi sâu vào giới học thuật và tạo điều kiện cho sự bùng nổ của phong trào nữ quyền trong thế kỉ XXI. Điểm nổi bật nhất của giai đoạn này là việc thành lập các tổ chức vì phụ nữ mà có quy mô lớn nhất, tồn tại lâu đời đến hiện nay như là Tổ chức Phụ nữ Quốc gia (NOW) – thành lập năm 1966.

** Làn sóng nữ quyền thứ tư (khoảng thập niên 2000 đến nay)*

Từ khoảng những năm 90 của thế kỉ XX và những năm đầu của thập niên 2000, phong trào nữ quyền dần trở lại sau một thời gian dài chỉ tập trung đi sâu vào môi trường nghiên cứu học thuật. Tiếp nhận ảnh hưởng của làn sóng thứ ba trong thế kỉ XX, làn sóng thứ tư của phong trào nữ quyền nước Mỹ từ những năm đầu thế kỉ XXI đến hiện nay tập trung các lĩnh vực đấu tranh chủ yếu xung quanh quyền về giáo dục, quyền tham gia vào các vấn đề chính trị, điều kiện làm việc, sức khỏe, giới tính, định kiến giới, các quyền hợp pháp chính đáng và một số vấn đề đặc thù khác.

So với Ấn Độ, một quốc gia có lịch sử bất bình đẳng về đẳng cấp và bất bình đẳng nam nữ lâu đời, luôn được xếp hạng rất cao trong Danh sách các quốc gia không an toàn cho phụ nữ, nước Mỹ quả thật là chân trời lí tưởng cho phụ nữ phát triển và làm điều mình muốn. Nhưng trên thực tế, vào năm 2018, nước Mỹ nằm trong Top 10 quốc gia kém an toàn cho phụ nữ (Theo kết quả điều tra của tập đoàn truyền thông đa quốc gia Thomson Reuters) [14] với các vấn nạn về bạo lực tình dục như: xâm hại, quấy rối, ép buộc quan hệ tình dục và khả năng xử lí pháp luật kém đối các vụ án trên. Đặc biệt, dữ liệu mà Tập đoàn này sử dụng đã được lấy từ phong trào #MeToo, khi hàng ngàn nạn nhân nữ của bạo lực tình dục ở Mỹ đã lên tiếng về câu chuyện của mình – những vụ án chưa được mang ra ánh sáng trong những năm tháng trước đó.



Hình 1: Khoảng 5 người phụ nữ Mỹ thì 1 người bị xâm hại

(Nguồn: Tập đoàn truyền thông đa quốc gia Thomson Reuters, 2018)

2.2. Các yếu tố tác động đến sự phát triển của phong trào nữ quyền ở Mỹ từ năm 2001 đến nay

2.2.1. Cuộc chiến chống khủng bố từ năm 2001

Năm 2001 là một năm kinh hoàng với người dân Mỹ. Nói chính xác hơn, từ sau ngày 11/9/2001, nước Mỹ bước vào giai đoạn bất ổn, khi toàn bộ cục diện nước Mỹ thay đổi và các phong trào xã hội phát triển mạnh mẽ hơn.

Vào sáng thứ Ba, ngày 11/9/2001, bốn máy bay thương mại từ Đông Bắc Hoa Kỳ được lên kế hoạch hạ cánh xuống California. Khi những chiếc máy bay này đang trong lộ trình bay, chúng đã bị cướp bởi 19 tên khủng bố al-Qaeda. Hai trong số đó, chuyên bay 11 của American Airlines và chuyến bay 175 của United Airlines, lần lượt đâm vào tòa tháp Bắc và Nam của khu phức hợp Trung tâm Thương mại Thế giới ở Lower Manhattan. Trong vòng 1 giờ 42 phút, cả hai tòa tháp 110 tầng đều sụp đổ. Việc Trung tâm Thương mại Thế giới và cơ sở hạ tầng lân cận bị phá hủy đã làm tổn thất nghiêm trọng đến nền kinh tế của thành phố New York và gây ra một cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu. Các cuộc tấn công đã khiến 2.977 người thiệt mạng, hơn 25.000 người bị thương và hậu quả sức khỏe kéo dài, cùng với thiệt hại về cơ sở hạ tầng và tài sản ít nhất 10 tỉ USD [15].

Từ sau cuộc khủng bố này nổ ra, hàng trăm các cuộc tranh luận nổ ra về tương lai của nước Mỹ, trong đó có vấn đề cụ thể hơn: tương lai của phụ nữ Mỹ. Những hành động sau đó của chính phủ Mỹ đã gây ra khủng hoảng chủng tộc lớn cho những người gốc Tây Á hoặc những người theo đạo Hồi tại Mỹ, đặc biệt là phụ nữ.

Sự kiện 11/9 đã khiến các nhà nữ quyền Mỹ nhìn thế giới như một nơi nhỏ bé một cách đáng kinh ngạc, với sự xung đột ở Trung Đông, và những kiến thức học thuật có lẽ chỉ được coi là ngoại vi, nhưng trên thực tế, lại là trung tâm. Tại một Hội nghị của Đại học New York sau ngày 11/9, Susan BuckMorse đã dũng cảm ám chỉ đến sự thiếu hiểu biết của người dân về các học giả Hồi giáo, hay cả sự thiếu hiểu biết của cá nhân cô về đạo Hồi dẫn đến việc thiếu đoàn kết trong quốc gia, bất bình đẳng và phân biệt tôn giáo. Từ đó đặt ra những yêu cầu cần phải đoàn kết tôn giáo – chính trị – quan điểm quốc gia trên một phạm vi lớn hơn.

Hơn nữa, những hậu quả từ sự kiện ngày 11/9 cũng đã đặt ra một vấn đề lớn: liệu nữ quyền có nên chỉ hoạt động cho nữ giới không? Liệu chúng ta có nên bàn luận đến cả những hoạt động xã hội chung với các phong trào khác để đối phó với chủ nghĩa khủng bố hay không? Trong khi những cuộc thảo luận trước đây chỉ tập trung vào các nền văn hóa áp đặt phụ nữ, việc tổ chức lại các ưu tiên trước mắt để chung tay giúp đỡ thế hệ mới sau đây khỏi những khủng hoảng, như chủ nghĩa khủng bố là nên hay không nên?

Vấn đề tranh luận này không lớn, nhưng nó được đặt ra cấp thiết từ sau sự kiện ngày 11/9, như một cách kiểm điểm lại các hoạt động nữ quyền suốt thời gian qua. Dù trong ba lần sóng trước đó, nữ giới luôn tự khẳng định đã cống hiến nhiều cho thế giới, phong trào nữ quyền đã cống hiến nhiều cho xã hội, thì đây nên là thời điểm thực hiện trách nhiệm và khẳng định quan điểm đó bằng hành động: như cách mà phụ nữ Mỹ đã khẳng định trách nhiệm công dân của mình trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít và trong cuộc phản đối chiến tranh tại Việt Nam. Sự đồng cảm được nhắc đến nhiều hơn từ năm 2001, việc xác định màu sắc chính trong lần sóng thứ tư của thế kỉ XXI là sự đồng cảm, chia sẻ, đàn ông cũng sẽ là một phần của phong trào phụ nữ khi họ tham gia và lãnh đạo phong trào để xoa dịu mâu thuẫn xã hội, giảm thiểu sự bất mãn dẫn đến các hành vi cực đoan và khủng bố tại Mỹ.

Trong bài nghiên cứu *Tương lai của nữ quyền trong thế giới có sự kiện 11/9, hay khủng hoảng và “làn sóng nữ quyền thứ tư” (The Future of Feminisms in the Post-9/11 World: Or, Trauma and a “Fourth” Feminism)*, tác giả cho rằng làn sóng thứ hai và thứ ba đã thiên về chủ nghĩa nữ quyền bản địa quá nhiều, trong một giai đoạn lịch sử và “địa phương rất cụ thể”. Susan Hayward, trong Hội nghị Làn sóng Nữ quyền lần thứ ba đã nhắc nhở rằng Hoa Kỳ đã phải chịu nhiều cuộc tấn công đau thương trước đó (Trần Châu Cảng; vụ đánh bom ở Oklahoma, vụ tấn công năm 1995). Tuy nhiên, vụ việc ngày 11 tháng 9 là lần đầu tiên có yếu tố nước ngoài trong cuộc tấn công vào đất liền ở Hoa Kỳ. Mặt khác, nhiều quan điểm từ đây đã cho rằng cần phải khái niệm hóa chủ nghĩa nữ quyền “thứ tư” như một sự tổng kết về một làn sóng cũ và mở ra một làn sóng mới với sự nỗ lực gấp nhiều lần.

Từ những biến động trong nội bộ những người chủ nghĩa nữ quyền, có thể thấy được thế giới hậu 11/9 là một thế giới mà trong đó chúng ta cần suy nghĩ lại những gì chủ nghĩa nữ quyền đã làm được và làm thế nào để các nhóm nữ quyền có thể tiến lên phía trước. Những thách thức mà nữ giới nước Mỹ phải đối mặt: toàn cầu hóa, khủng bố, công nghệ, và quan trọng nhất: đánh giá tác động có thể của những vụ khủng bố như vụ việc 11/9 đối với tương lai của nhân loại nói chung và của nữ quyền nói riêng [16].

2.2.2. Cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính từ năm 2007 đến năm 2009

Khủng hoảng kinh tế đã gây ra những tác động tiêu cực đối với phụ nữ, đặc biệt là những người nghèo và không được trả công xứng đáng. Cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính năm 2007 – 2009 đã tạo ra một cú ngã lớn đối với nền kinh tế nước Mỹ. Bắt đầu từ khủng hoảng tín dụng nhà ở, cuộc khủng hoảng lan ra toàn bộ lĩnh vực tài chính, bao gồm: tín dụng, bảo hiểm và chứng khoán. Nhưng giá nhà xuống quá nhanh dẫn đến các tài sản thế chấp băng bất động sản không bù đắp nổi, nhiều ngân hàng rơi vào khó khăn. Một số ngân hàng nhỏ tuyên bố phá sản.

Trên lĩnh vực tài chính – tín dụng, nhiều công ty của Mỹ rơi vào khó khăn: một số phải phá sản (như Tập đoàn Tài chính New Century), một số thì cổ phiếu mất giá mạnh (như Tập đoàn Tài chính Countrywide). Người dân ồ ạt rút đầu tư khỏi thị trường tín dụng. Các ngân hàng không thể kiểm soát được việc các tổ chức tài chính liên tục sụp đổ. Tháng 3/2008, Ngân hàng dự trữ Liên bang New York đã cố gắng cứu công ty tài chính Bear Sterns nhưng không thành công, đặt ra nghi vấn về khả năng can thiệp của chính phủ vào khắc phục khủng hoảng kinh tế.

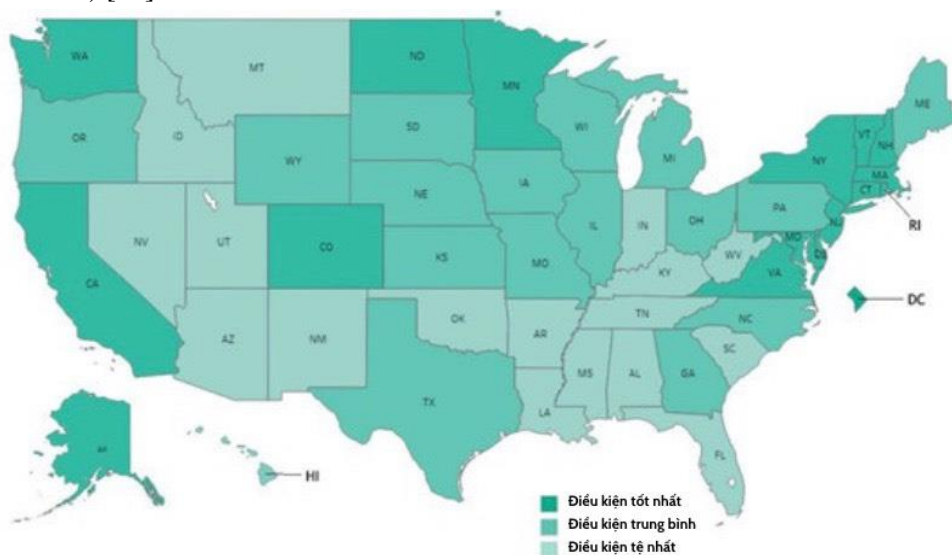
Cuộc khủng hoảng khiến nền kinh tế Mỹ suy thoái nghiêm trọng. Theo Cục Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia Hoa Kỳ (NBER) dự đoán, đây là đợt suy thoái nghiêm trọng nhất ở Mỹ kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Tình trạng này ảnh hưởng đến sản xuất khiến các doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô, sa thải lao động, cắt giảm các hợp đồng lao động đầu vào. Bình quân mỗi tháng kể từ tháng 1 đến tháng 9/2008, có khoảng 84.000 người lao động Mỹ rơi vào tình trạng thất nghiệp [17]. Hàng ngàn người Mỹ đã bị cắt giảm thu nhập, khả năng tiêu dùng kém dẫn đến hàng hóa ế thừa, mức giá chung của nền kinh tế giảm liên tục, đẩy kinh tế Hoa Kỳ tới nguy cơ có thể giảm phát.

Trong giai đoạn này, phụ nữ trên toàn quốc đã chịu tác động của sự suy giảm nghiêm trọng trong thị trường lao động và tài chính. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, so với nam giới, phụ nữ đã bị ảnh hưởng sâu sắc hơn bởi cuộc khủng hoảng, nhất là những phụ nữ có thu nhập thấp và nhóm phụ nữ da màu. Chỉ số thất nghiệp của phụ nữ tăng đáng kể và lương của những người đi làm cũng bị cắt giảm. Các doanh nghiệp phải cắt giảm chi phí sản xuất và nhân công, đối tượng có nguy cơ cao nhất là phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ lớn tuổi. Ngoài ra, các chương trình giúp đỡ phụ nữ đã bị cắt giảm do ngân sách nhà nước và doanh nghiệp bị thiếu tiền để tài trợ cho các hoạt động này. Điều này khiến việc giành được quyền lợi và cơ hội cho phụ nữ trở nên khó khăn hơn. Các khó khăn kể trên đã đặt ra đối với phụ nữ Mỹ rằng cần phải đảm bảo quyền lợi của phụ nữ được thực hiện, chính phủ biết nhìn vào thực tế để điều chỉnh. Từ đó, hàng ngàn bức thư đã được gửi lên, nhiều các tổ chức cộng đồng có đăng bài về những người phụ nữ bị ảnh hưởng nặng nề bởi khủng hoảng kinh tế. Những người phụ nữ thất nghiệp có xu hướng chia làm hai bộ phận: một là biểu tình, điều hành yêu cầu Chính phủ điều chỉnh và hỗ trợ; hai là tập trung xây dựng các tổ chức cộng đồng cùng hỗ trợ vượt qua khó khăn.

Tuy nhiên, nếu nhìn về mặt tích cực, cuộc khủng hoảng cũng đã thúc đẩy sự quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới tính và sự đa dạng trong môi trường làm việc. Trải qua giai đoạn khó khăn này, nhiều công ty đã nỗ lực hành động, thay đổi các chính sách đãi ngộ và hình ảnh để tạo ra một môi trường công bằng và chấp nhận sự đa dạng giới tính.

Từ sau những nỗ lực đấu tranh, biểu tình, tranh luận trên truyền thông của phụ nữ sau cuộc khủng hoảng, năm 2009, Tổng thống Barack Obama ký luật Lilly Ledbetter về Bình đẳng lương bổng (Lilly Ledbetter Fair Pay Act), củng cố việc áp dụng Đạo luật Bình đẳng lương bổng (Equal Pay Act), đặc biệt là trong trường hợp phát hiện ra sự chênh lệch lương bổng.

Từ 2001 đến nay, dưới làn sóng thứ tư của phong trào nữ quyền ở Mỹ, chỉ số việc làm và thu nhập của phụ nữ ngày càng được cải thiện. Trong đó, tính từ năm 2015 đến năm 2018, 16 bang đã có sự cải thiện về môi trường làm việc và thu nhập của phụ nữ. Tỷ lệ phụ nữ trong các công việc chuyên môn cao hoặc trình độ quản lý cũng được cải thiện đáng kể, tạo điều kiện cho phụ nữ tăng thêm thu nhập và khẳng định vai trò và sức mạnh của mình trong nền kinh tế. Có thể kể đến như bang South Dakota đã có cải thiện rõ rệt từ năm 2015 (mức độ D) đến năm 2018 (mức độ C+) nhờ tăng tỷ lệ phụ nữ làm trong các công việc trình độ chuyên môn và quản lý (từ hạng 49 lên hạng 18 trên cả nước) và thu nhập trung bình hằng năm tăng (từ hạng 48 lên hạng 38 trên cả nước) [18].



Lược đồ 1. Phân bố điều kiện việc làm và thu nhập của phụ nữ tại các bang ở nước Mỹ năm 2018
(Nguồn: Status of Women in the Unites)

Có thể thấy, những chương trình kích thích kinh tế và cải thiện học vấn cho phụ nữ đã đạt được hiệu quả. Họ nhận thức được tầm quan trọng của địa vị kinh tế và học vấn. Chưa bao giờ tỉ lệ phụ nữ có thu nhập bình quân vượt mức bình quân đầu người cả nước đạt chỉ số cao như vậy.

Tóm lại, cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính từ năm 2007 đến năm 2009 đã có nhiều tác động tiêu cực đến tình hình cuộc sống phụ nữ ở Mỹ, tuy nhiên nó cũng đã thúc đẩy sự quan tâm đến các vấn đề bình đẳng giới tính và đa dạng trong môi trường làm việc, từ đó thúc đẩy phong trào nữ quyền đi lên.

2.2.3. Các cuộc tranh luận chính trị về quyền phụ nữ

Trước năm 2001, các vấn đề chính trị về quyền phụ nữ vẫn được đặt ra và thảo luận. Nhờ việc đặt ra những mục tiêu đấu tranh cụ thể và liên tục xây dựng hệ thống quan điểm về quyền phụ nữ của giai đoạn trước, bước sang thế kỉ XXI, các cuộc tranh luận chính trị càng được mở rộng và đạt được nhiều sự chú ý hơn trước. Người phụ nữ đã có đầy đủ tầm nhìn và hiểu biết về cơ thể và quyền lợi chính đáng của mình. Đứng với tinh thần và mục tiêu mà làn sóng thứ tư đã đặt ra, các vấn đề liên quan đến quyền làm chủ thân thể và phòng chống tình dục hóa cơ thể phụ nữ, chống bạo lực trở thành những vấn đề truyền thông quan trọng cần được chú ý và giải quyết trong đời sống chính trị ở Mỹ.

Cuộc tranh luận về Luật Phòng ngừa và Khống chế Ung thư: Đây là cuộc tranh luận về một đạo luật của Hoa Kỳ được đề xuất từ năm 1990 và được thông qua vào năm 2001 để phát triển các chương trình chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị ung thư. Luật này cũng tập trung vào việc nghiên cứu các nguyên nhân gây ung thư và phát triển các biện pháp phòng ngừa. Dựa vào nội dung các nghiên cứu và báo cáo, luật Phòng ngừa và Khống chế Ung thư nhằm vào việc tài trợ cho các nghiên cứu về ung thư vú và xác định rõ ràng hơn vai trò của hormone trong sự phát triển của bệnh ung thư. Để trung cầu ý kiến về đạo luật này, chính phủ Mỹ đã đề xuất và mở ra cuộc tranh luận kéo dài đến năm 2004. Kết quả, tất cả các tiểu bang trên nước Mỹ đều chấp thuận việc cung cấp hỗ trợ y tế thông qua Chương trình Y tế Medicaid dành cho những phụ nữ đủ điều kiện được chọn lọc và phát hiện mắc ung thư vú hoặc cổ tử cung, bao gồm cả trạng thái tiền ung thư bằng việc triển khai Chương trình Phát hiện sớm Ung thư vú và cổ tử cung Quốc gia (NBCCEDP). Chương trình này đã cung cấp dịch vụ miễn phí cho cả những người phụ nữ không có bảo hiểm và thu nhập thấp. Điều này đã giúp tăng cơ hội tiếp cận với thông tin và chẩn đoán sớm cho phụ nữ trên toàn nước Mỹ.

Cuộc tranh luận về Thỏa thuận Paris năm 2015: Thỏa thuận Paris là một hiệp định quốc tế về biến đổi khí hậu, được kí kết vào năm 2015 tại Paris, Pháp. Hiệp định này có mục tiêu giảm thiểu sự tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu dưới 2 độ C so với thời điểm tiền công nghiệp và tăng cường nỗ lực để giảm xuất thải khí nhà kính. Thỏa thuận Paris đã được 196 quốc gia và Liên minh châu Âu kí kết và 192 quốc gia đã thông qua nó. Hiện nay, Thỏa thuận Paris vẫn được coi là bước tiến quan trọng trong việc giảm thiểu tác động của con người đối với môi trường. Vấn đề bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu nằm trong phong trào đấu tranh vì nhân quyền, đảm bảo quyền lợi được sống trong môi trường lành mạnh của con người. Từ đó có mối quan hệ mật thiết với phong trào đấu tranh vì phụ nữ. Cuộc tranh luận được nổ ra nhằm ủng hộ thỏa thuận Paris ở Mỹ và yêu cầu sự tham gia tích cực hơn từ phía Mỹ đối với vấn đề bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, đến năm 2019, dưới sự cầm quyền của Tổng thống Donald Trump, Mỹ chính thức thông báo rút khỏi Hiệp định này. Hành động này đã gây phẫn nộ với công dân Mỹ và đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết trong xã hội. Cuộc tranh luận này đến nay vẫn được duy trì và bổ sung nhiều những diễn biến mới về xây dựng lí luận và phương hướng thực hiện Thỏa thuận Paris một cách hiệu quả.

Cuộc tranh luận về Luật Bảo vệ Y tế Phụ nữ năm 2010: Luật Bảo vệ Y tế Phụ nữ (Patient Protection and Affordable Care Act) là một luật liên bang của Hoa Kỳ được thông qua vào năm 2010. Trước khi được thông qua, ý kiến thảo luận về Luật Bảo vệ Y tế Phụ nữ đã được chính

phụ nữ đề ra ngay sau chương trình Medicaid. Các cuộc tranh luận sau đó xoay quanh việc liệu có cần thiết phải bổ sung thêm Luật bảo vệ Y tế và cải thiện dịch vụ cho nữ giới nước Mỹ hay không. Với việc Luật này được thông qua, cuộc tranh luận kết thúc tốt đẹp, trong đó: Luật này nhằm mục đích cải thiện chất lượng và tiếp cận dịch vụ y tế cho phụ nữ, bao gồm việc đảm bảo các loại thuốc tránh thai và dịch vụ tiền sản khoa được bảo hiểm y tế. Luật cũng yêu cầu các chương trình Medicaid và Medicare hỗ trợ thêm các dịch vụ y tế cho phụ nữ và đặt ra các tiêu chuẩn mới về chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ. Có thể thấy, luật này mang lại những lợi ích quan trọng về sức khỏe cho phụ nữ, bao gồm việc miễn phí dịch vụ tiêm phòng và chẩn đoán sớm ung thư.

Cuộc tranh luận về Pháp lệnh Dịch vụ Sinh sản của phụ nữ: Pháp lệnh mới được ban hành đã giới hạn quyền truy cập của phụ nữ đến các dịch vụ sinh sản, gây tranh cãi và bạo động tại nhiều bang Mỹ. Đạo luật này được đề ra năm 2022 sau khi Tòa án tối cao Mỹ lật lại vụ án Roe v. Wade từ năm 1973, chấm dứt hiến định đối với việc chăm sóc sức khỏe và quyền nạo phá thai hợp pháp của phụ nữ. Ngay sau khi bản án bị lật lại đã vấp phải phản ứng dữ dội của nhân dân Mỹ. Sarah Shaw, Trưởng phòng Vận động toàn cầu của Tổ chức quốc tế về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình (MSI Reproductive Choices Global), tuyên bố: “Chúng tôi hoàn toàn lên án quyết định của Tòa án tối cao Hoa Kỳ trong việc hủy bỏ Roe v. Wade và chấm dứt quyền hiến định đối với quyền phá thai. Việc đảo ngược quyết định vụ án Roe v. Wade sẽ tạo ra cơ hội cho việc đảo ngược quyền phá thai ở các tiểu bang, gây ra tác hại khôn lường và đe dọa hàng thập kỷ tiến bộ về bình đẳng giới của Hoa Kỳ” [19]. Tuy nhiên, quyết định này đã được thông qua và các tổ chức vì phụ nữ tại Mỹ vẫn đang đấu tranh yêu cầu rút lại quyết định trên. Cuộc tranh luận mới nổ ra từ phán quyết năm 2022, và vẫn kéo dài đến hiện tại. Trên phương tiện Internet, hàng loạt các hashtag #RoevWade, #mybodymychoice, #KeepAbortionLegal đã mở ra làn sóng tranh luận dữ dội.

Tóm lại, trong suốt giai đoạn từ năm 2001 đến nay có nhiều cuộc tranh luận quan trọng liên quan đến quyền phụ nữ ở Mỹ, từ việc giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến quyền tự do cá nhân trong việc quyết định về thai nghén. Những cuộc tranh luận trên đã đặt ra những vấn đề trực tiếp về nhân quyền ở nước Mỹ nói chung và quyền lợi của phụ nữ nói riêng. Hơn nữa, các cuộc tranh luận này đã thúc đẩy các tổ chức phụ nữ hành động, các chương trình, diễn đàn trong nước và quốc tế được mở ra, xuất hiện liên tục trên các phương tiện truyền thông, trở thành những vấn đề quan trọng được phân nhiều công dân chú ý. Các cuộc tranh luận đã kéo dài trong nhiều năm, liên kết chặt chẽ hơn với các vấn đề chung trong xã hội nước Mỹ. Khẳng định một lần nữa phong trào nữ quyền nằm trong phạm vi nhân quyền và đấu tranh cho mọi quyền lợi chính đáng của công dân Mỹ.

Mặt khác, các cuộc tranh luận này đã bộc lộ những vấn đề của phụ nữ trong xã hội Mỹ mà các làn sóng nữ quyền trước đây chưa giải quyết được. Trong bối cảnh thế kỷ XXI, nước Mỹ và thế giới có những biến động lớn, các cuộc tranh luận này sẽ phân nào tạo ra cơ hội cho các vấn đề trên tiếp tục được chú ý và giải quyết.

2.2.4. Sự xuất hiện của các phong trào xã hội mới

Các phong trào chống phân biệt chủng tộc và đa dạng hóa đã mở rộng phạm vi của nhiều cuộc đấu tranh phụ nữ giai đoạn sau này, điển hình như cuộc diễu hành “Phụ nữ March” vào năm 2017.

Black Lives Matter: Phong trào này được thành lập vào năm 2013 sau khi giới chức bang Florida ra quyết định không truy tố người bảo vệ khu nhà George Zimmerman trong vụ án sát hại thiếu niên da đen Trayvon Martin. Trong suốt 1 thời gian dài, mâu thuẫn giữa cảnh sát và những người da màu ở Mỹ trở nên rất sâu sắc. Tính chỉ trong nửa đầu năm 2016, có ghi nhận 509 trường hợp cảnh sát Mỹ bắn hạ người mà phần lớn nạn nhân là người da màu. Black Lives Matter tập trung vào việc đưa ra các hoạt động chống lại bạo lực của cảnh sát đối với người Mỹ gốc Phi. Phong trào này kéo dài liên tục, hàng ngàn người dân Mỹ đã đổ xuống đường, sử dụng biểu ngữ và biểu tượng hòa bình để phản đối hành vi sử dụng vũ lực của cảnh sát đối với người da màu.

Hơn một phong trào đấu tranh của người da màu, bà Melina Abdullah – người đồng sáng lập phong trào “Black Lives Matter” đã khẳng định: “Bạn không nhất thiết phải là thành viên của Black Lives Matter mới được tham gia biểu tình hòa bình. Chúng tôi hoan nghênh và khuyến khích tất cả mọi người muốn tham gia vì lí tưởng cho một tương lai tốt đẹp hơn” [20] Với định hướng phát triển của chủ nghĩa nữ quyền trong thế kỉ XXI là đấu tranh không chỉ cho phụ nữ mà còn cho quyền bình đẳng, xóa bỏ định kiến giới và chống phân biệt chủng tộc, phong trào nữ quyền của Mỹ đã nhanh chóng liên kết với “Black Lives Matter”.

Me Too: Phong trào Me Too khởi đầu bằng một bài viết trên Twitter của nữ diễn viên Alyssa Milano vào tháng 10/2017, kêu gọi phụ nữ chia sẻ câu chuyện bị quấy rối tình dục và lạm dụng. Phong trào này đã lan rộng toàn cầu và đẩy mạnh cho vấn đề bình đẳng giới tính và quyền của phụ nữ.

Phong trào LGBTQ+: Trong suốt thế kỷ XXI, phong trào chống phân biệt đối xử với người đồng tính, song tính và chuyển giới đã trở nên mạnh mẽ hơn. Các cuộc tranh luận xoay quanh giới tính và bản dạng giới, xu hướng tính dục đã thúc đẩy sự thay đổi về cách nhìn nhận giới và hủy bỏ các quy định phân biệt đối xử.

Những phong trào này đã mở rộng phạm vi của nhiều cuộc đấu tranh cho bình đẳng giới, giúp lan tỏa thông điệp về quyền lợi của mọi người là như nhau, và tạo ra một môi trường xã hội công bằng hơn cho tất cả mọi người.

2.2.5. Các tiến bộ công nghệ

Công nghệ và mạng xã hội đã mở ra một công cụ mới cho phong trào nữ quyền, giúp tăng cường các cuộc tranh luận và thảo luận về các vấn đề như bình đẳng giới tính và quyền phụ nữ.

Nhờ việc phát triển mạng lưới Internet nói chung và các mạng xã hội, truyền thông đa phương tiện mà các vấn đề về quyền phụ nữ cũng được lan tỏa nhanh hơn và sâu rộng hơn: thống kê trên toàn bộ nước Mỹ có khoảng 200 đường dây nóng về chống bạo lực và quấy rối tình dục. Nếu không có sức mạnh của mạng xã hội, thì các tổ chức phụ nữ sẽ gặp nhiều khó khăn trong tuyên truyền, mở rộng và kêu gọi phụ nữ tham gia các hoạt động đấu tranh giành quyền của mình.

Theo các quan điểm của nhà nghiên cứu chủ nghĩa nữ quyền tại Mỹ, thế kỉ XXI, làn sóng thứ tư của phong trào nữ quyền là thời đại của công nghệ. Làn sóng này được bắt đầu từ Internet và là phương tiện chính để lan rộng sức ảnh hưởng của mình. Dưới các tiến bộ công nghệ, các Hội thảo nữ quyền quốc tế, các hoạt động dự án, các phong trào vì nữ giới trở nên gần gũi và lan tỏa mạnh mẽ hơn. Phong trào Me Too – một trong những phong trào toàn cầu nhất và tiêu biểu nhất của phong trào vì phụ nữ ở Mỹ cũng được sinh ra dưới tác động của các tiến bộ công nghệ.

Mặt khác, công nghệ sinh học phát triển tạo ra những thuận lợi mới về lĩnh vực y tế, môi trường. Từ đó cải thiện được khả năng tiếp cận y tế và chữa bệnh thành công của công dân. Nhờ những tiến bộ này, những chương trình y tế như Chương trình Phát hiện sớm Ung thư vú và cổ tử cung Quốc gia mới thành công và được duy trì đến hiện nay.

Các tiến bộ công nghệ đã thúc đẩy và trở thành công cụ lớn mạnh nhất để lan truyền và giữ lửa cho chủ nghĩa nữ quyền thế kỉ XXI, tuy nhiên, nó cũng mang lại những tác động tiêu cực nhất định, có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực: sự bài xích của cộng đồng, bạo lực mạng, chủ nghĩa nữ quyền cực đoan,... Bằng chứng có thể thấy, sau những tích cực mà các phong trào phụ nữ mang lại với phụ nữ, một bộ phận nam giới bị hạ thấp, miệt thị và bạo lực mạng. Điều này đã dẫn đến những phản ứng ngược từ những công dân trung lập.

Trong một bài báo *Nữ quyền là gì? Và tại sao nhiều phụ nữ và đàn ông ghét điều đó?* (*What is Feminism, and why do so many women and men hate it*) của Tạp chí Forbes đã liệt kê ra nhiều lí do khiến nhiều người trở nên căm ghét phụ nữ. Một số lí do liên quan trực tiếp đến cách thức đấu tranh trên Internet của những người nữ quyền. Các nền tảng mạng xã hội, truyền

thông đa phương tiện như Facebook, Youtube, Instagram,... đều lan tràn sự giận dữ và thái quá của những “nhà nữ quyền”, họ sử dụng truyền thông và tính bảo mật cá nhân để mạt sát, kì thị và hạ bệ đàn ông, thậm chí là cả nữ giới không cùng quan điểm. Việc sử dụng Internet như một hình thức đấu tranh mở còn ảnh hưởng tiêu cực đến thế hệ nhỏ hơn, những trẻ em chưa được xây dựng đầy đủ về thế giới quan và các giá trị đạo đức, phẩm chất cá nhân.

Tóm lại, các thành tựu khoa học công nghệ đã mở ra phương pháp đấu tranh chưa từng có của phong trào nữ quyền tại Mỹ. Đây sẽ là công cụ sắc bén và thiết thực cho phụ nữ bày tỏ tiếng nói và nguyện vọng của mình nhưng cũng sẽ mang lại hậu quả khôn lường trong việc kiểm soát chất lượng và tính đúng đắn của phong trào chính trị - xã hội phức tạp như phong trào phụ nữ.

2.2.6. Đại dịch toàn cầu COVID-19

Đại dịch COVID-19 có nguồn gốc từ Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Với khả năng lây lan nhanh chóng, chỉ trong một thời gian ngắn, dịch bệnh này đã trở thành đại dịch toàn cầu và được đánh giá là một trong những đại dịch nguy hiểm nhất trong lịch sử loài người. Dịch COVID-19 diễn ra từ 2019 đến hiện nay. Đặc điểm của loại dịch bệnh này đã khiến toàn cầu phải trải qua một thời gian dài thực hiện giãn cách xã hội, hạn chế tối đa các hoạt động sản xuất trực tiếp và giao tiếp xã hội, dẫn đến nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới kinh tế, chính trị và xã hội.

Nước Mỹ cũng là một trong những nước bị ảnh hưởng nặng nề do đặc điểm chính trị và xã hội, tỉ lệ người mắc và tử vong do COVID-19 ở Mỹ hiện nay đã cán mốc hơn 100 triệu người mắc và khoảng hơn 1 triệu người tử vong. Ngoài những thiệt hại nặng nề về sức khỏe y tế, thì các vấn đề xã hội như tình trạng phân biệt giới tính trong kinh tế và chính trị cũng bộc lộ rõ trong giai đoạn này. Đặc biệt là những hiểm họa đối với người phụ nữ dưới góc nhìn về kinh tế giữa đại dịch.

Ở giai đoạn đầu của đại dịch COVID-19, tỉ lệ phụ nữ thất nghiệp đã tăng nhanh. Mặc dù nam giới ngày càng phải chịu áp lực kinh tế nặng nề và tình trạng bỏ việc phổ biến hơn, nhưng về cơ bản, tỉ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ giảm nhanh và có mối tương quan chặt chẽ với tỉ lệ mắc COVID-19. Tổ chức Lao động Quốc tế cũng phát hiện ra rằng số giờ làm việc của phụ nữ Mỹ giảm đáng kể vào năm 2020. Cụ thể hơn, tính đến tháng 3/2020, tỉ lệ người thất nghiệp cả nam giới lẫn nữ giới ở Mỹ là 4,4%. Nhưng đến tháng 4/2020, tức là chỉ sau một tháng, tỉ lệ này đã tăng lên chóng mặt: 16,1% ở nữ giới và 13,6% ở nam giới. Mặc dù sau đó tỉ lệ thất nghiệp đã giảm do sự điều chỉnh chính sách của chính phủ, nhưng đến cuối năm 2020, tỉ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ giới vẫn giảm 3,4% so với 2,8% của nam giới [21].

Lí giải cho hiện tượng này, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã chỉ ra rằng: tỉ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ giảm có thể phần nào phản ánh tác động của đại dịch đối với phụ nữ, đặc biệt là các bà mẹ, những người có thu nhập thấp và trình độ lao động bậc thấp. Họ phải chịu những áp lực về tiền bạc, tinh thần và gánh nặng chăm sóc con cái. Mặt khác, các vấn đề thực tiễn về phân biệt đối xử trong công việc cũng làm cho tình trạng phụ nữ bị ép/chủ động nhường cơ hội lao động cho nam giới hay chồng của mình càng trở nên phổ biến hơn [22].

Như vậy, dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến sức khỏe và kinh tế của phụ nữ ở Mỹ, gây ra tỷ lệ thất nghiệp cao hơn so với nam giới và gia tăng áp lực chăm sóc gia đình và con cái do việc giáo dục và chăm sóc trẻ em bị gián đoạn. Ngoài ra, nhiều phụ nữ cũng phải đối mặt với tình trạng gia tăng bạo lực gia đình trong thời gian đại dịch.

3. Kết luận

Với một lịch sử dài và phân hóa phức tạp, toàn diện như phong trào nữ quyền ở Mỹ, có thể thấy các yếu tố tác động đến phong trào cũng sẽ phức tạp và thay đổi theo từng thời kì. Trong giai đoạn nghiên cứu từ năm 2001 đến nay, các yếu tố tác động được nêu đã khẳng định cho luận điểm trên: Từ những yếu tố chính trị phức tạp như Cuộc khủng bố ngày 11/9/2001, khủng hoảng kinh tế năm 2007 - 2009, các cuộc tranh luận chính trị, các phong trào xã hội mới đến

những vấn đề toàn cầu như tác động của cách mạng khoa học công nghệ 4.0, đại dịch COVID-19. Các yếu tố trên đã ảnh hưởng và chi phối sâu sắc đến xu hướng và định hướng phát triển trong tương lai của phong trào. Từ mỗi diễn biến đó, phong trào phụ nữ nước Mỹ ngày càng trưởng thành, rút kinh nghiệm, học hỏi, tự thử thách và thay đổi để phù hợp với những diễn biến mới của nước Mỹ và toàn cầu. Tác động của các yếu tố trên bao gồm cả tích cực lẫn tiêu cực, song cũng tuân theo quy luật khách quan của lịch sử, thể hiện tính chất phức tạp của xã hội và các phong trào xã hội, thể hiện tư duy và khả năng thích ứng của con người đối với những diễn biến khó lường của lịch sử. Mặt khác, các yếu tố này hình thành dưới sự chi phối của con người, đặc biệt là phụ nữ, như các cuộc tranh luận chính trị và các phong trào xã hội, chính là kết quả của quá trình đấu tranh và không ngừng khẳng định tiếng nói của nữ giới trong giai đoạn trước.

Phong trào nữ quyền ở Mỹ không phải chỉ mới xuất hiện từ những năm đầu của thế kỉ XXI. Lịch sử phong trào nữ quyền ở Mỹ đã diễn ra hơn trăm năm và sẽ còn kéo dài đến tương lai. Phong trào đã trải qua ba làn sóng lớn và đang trong làn sóng thứ tư. Mỗi làn sóng đều có đặc điểm riêng và đạt được những thành tựu khác nhau, thúc đẩy phong trào đấu tranh vì phụ nữ Mỹ. Trong giai đoạn từ năm 2001 đến nay, làn sóng thứ tư của phong trào đã phát triển dưới sự tác động của nhiều yếu tố vừa mang tính lịch sử: kế thừa giá trị từ những làn sóng trước; vừa mang yếu tố hiện thời, cấp thiết: các biến động trong tình hình nước Mỹ từ 20 năm trở lại đây; vừa mang tính giáo dục và lí luận cao: phát triển và mở rộng thêm nhiều điểm mới về lí thuyết chủ nghĩa nữ quyền. Các yếu tố trên đã ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các hoạt động của phong trào nữ quyền từ năm 2001 đến nay, trên tất cả các lĩnh vực chính ở nước Mỹ như chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hosken, Fran P., May 1981. *Towards a Definition of Women's Rights*, in *Human Rights Quarterly*, Vol.3, No.2.
- [2] Lockwood, Bert B., 2006. *Women's Rights*, A "Human Rights Quarterly" Reader, Johns Hopkins University Press, ISBN 978-0-8018-8374-3.
- [3] Rampton Martha (25/10/2015), *Four Waves of Feminism*, www.Pacificu.edu.com
- [4] The U.S National Archives and Records Administration, *The Declaration of Independence: A Transcription*.
- [5] Trần Xuân Diệp, 2004. *Sự kì thị giới tính trong ngôn ngữ*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội
- [6] Mai Huy Bích, Trần Hàn Giang, 2007. *Giới và lí thuyết nữ quyền phương Tây*, trong sách Lê Ngọc Văn (cb), *Nghiên cứu gia đình – Lí thuyết nữ quyền, quan điểm giới*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7] Trần Hàn Giang, 2007. *Lịch sử tư tưởng nữ quyền*, trong sách Lê Ngọc Văn (cb), *Nghiên cứu gia đình – Lí thuyết nữ quyền, quan điểm giới*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [8] Martha E. Kendall, 2001. *Failure is Impossible!*, The History of American Women's Rights, Learner Publications Company.
- [9] Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý, 2007. *Gia đình học*. Nxb Lí luận Chính trị, Hà Nội.
- [10] G. Ritzer, *Morden Sociological Theory*, 5th edition, McGraw – Hill International Editions.
- [11] Diana K. Ivy & Phil Backlund, 2000. *Exploring Gender Speak – Personal Effectiveness in Gender Communication*, 2nd editions – McGraw Hill.
- [12] Hoàng Bá Thịnh, 2008a. *Giáo trình xã hội học về Giới*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [13] Phillips, Ruth & Cree, 2014. *'What does the 'Fourth Wave' mean for teaching feminism in 21st-century social work?'*, *Social Work Education*, The University of Edinburg <https://www.pure.ed.ac.uk/ws/files/15148557/PhillipsCreeFourthWaveforOpenAccess.pdf>

- [14] Factbox: Which are the world's 10 most dangerous countries for women, Thomson Reuters Foundation. <https://www.reuters.com/article/us-women-dangerous-poll-factbox-idUSKBN1JM01Z>
- [15] *How much did the September 11 terrorist attack cost America?*, Institute for the Analysis of Global Security, 2003-2004, <http://www.iags.org/costof911.html#:~:text=The%20destruction%20of%20major%20buildings,%2410%20billion%20to%20%2413%20billion.>
- [16] Kaplan, E. Anna, 2003. Feminist Futures: Trauma, the Post-9/11 World and a Fourth Feminism?. *Journal of International Women's Studies*, 4(2), p.46-59, <https://vc.bridgew.edu/jiws/vol4/iss2/5>
- [17] *Massive Job Cuts Across the Country*, CJJ Staff at Wayback Machine, 29/10/2008.
- [18] Status of Women in the States <https://statusofwomendata.org/>
- [19] "Decisions made in the US have an impact far beyond their borders" MSI's statement on *Roe v Wade*, MSI United States, 24/6/2022, www.msichoice.org.com
- [20] "Black Lives Matter" và giấc mơ xóa bỏ tình trạng phân biệt chủng tộc tại Mỹ, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 15/6/2020, <https://dangcongsan.vn/the-gioi/tin-tuc/black-lives-matter-va-giac-mo-xoa-bo-tinh-trang-phan-biet-chung-toc-tai-my-557060.html>
- [21] Simonetta Z, Henri L, 2021. *Gender and unemployment: Lessons from the Covid-19 pandemic*, UNCTAD. <https://unctad.org/news/gender-and-unemployment-lessons-covid-19-pandemic>
- [22] John B, Francesca C, Niels H, Ipei S, Marina T, 2021. *Gender and Employment in the COVID-19 Recession: Evidence on "She-cessions"*. IMF Working Paper, <https://www.imf.org/-/media/Files/Publications/WP/2021/English/wp1ea2021095-print-pdf.ashx>

ABSTRACT

Some factors impacted the feminist movement in the US from 2001 to now

Phạm Thị Thanh Huyền* and Doan Phuong Chi

Faculty of History, Hanoi National University of Education

Before the year 2001, the feminist movement in the world in general and in the United States in particular experienced three great waves and achieved many remarkable results. Each of these waves had its own development trend and made an important contribution to the era, promoting the movement in the next period. Entering the 21st century, from 2001 to now, the fourth wave of the movement has been gradually shaping and showing maturity in the perception of American women. Research on the history of the feminist movement in the world in general and in the US in particular still has many gaps. Within the scope of this article, we choose a case study on the feminist movement in the US from 2001 to now, looking at some factors affecting the movement in the period in this period. From this approach, the article will contribute to a few studies in Vietnam about the feminist movement in human history in general.

Keywords: feminism, impact, America.